

Bản án số: 72/2020/HS-ST  
Ngày: 23-9-2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Dân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trần Thị Hạnh

Ông Trần Văn Hoa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tham gia phiên tòa:***  
Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, mở phiên tòa công khai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 70/2020/HSST ngày 31/8/2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo: Trần Thiên C; sinh năm 1989; Nơi sinh thành phố C; Nơi cư trú: Ấp 3, xã Tóc T, thị xã Phú M, tỉnh B; trình độ văn hoá: 7/12; nghề nghiệp Buôn bán; con ông Trần Văn C; sinh năm 1965; con bà Thân Thị Thúy H; sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Thị Tuyết N; sinh năm 1997; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt ngày 13/3/2020; Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Đức “có mặt”.

Bị hại: Ông Lê Đức N (tên thường gọi H); sinh năm 1978; trú tại: Ấp Kim G, thị trấn N, huyện C, tỉnh B “có mặt”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Trần Văn C; sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp 3, xã Tóc T, thị xã Phú M, tỉnh C.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết cha mình (ông Trần Văn C) bị ông Lê Đức N (H) nhiều lần đánh nhau vào khoảng ngày 20/01/2018 và tháng 5/2019, vì hai người có mâu thuẫn khi ông C bán bong bóng tại địa bàn huyện C. Chiều ngày 25/01/2020 thì bạn của C tên T (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đến nhà C trú tại xã Tóc T, thị xã Phú M chơi. C và T có ngồi uống bia. Trong khi uống bia thì C có tâm sự với T là cha của C là ông C (làm nghề bán bóng bay) khi qua huyện C bán thì bị ông Lê Đức

N (H) nhiều lần đánh ông C. Khi nghe C tâm sự thì T nói với C rằng là con mà cha mà bị đánh mà mà làm con mà không trả thù cho cha à và T rủ C đánh ông N trả thù thì C đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày T đi xuống bếp nhà C lấy 01 con dao rựa dài khoảng 60 cm, cán bằng gỗ và 01 khúc cây dài khoảng 60 cm rồi T ngồi lên xe mô tô, C điều khiển xe mô tô (không nhớ biển số) chở T đến khu vui chơi cho trẻ em ở Trung tâm thương mại thị trấn N, huyện C, tỉnh B. Sau đó, C dừng xe rồi cả hai đi bộ đến trụ đèn chiếu sáng ở Trung tâm thương mại thị trấn N để đánh ông N. Tại đây, C dùng tay đánh còn T dùng sống dao chém 01 nhát trúng vào lưng ông N. Ông N chạy sang quán cà phê gần đó lấy ghế đánh lại thì bị T chém trúng vào cánh tay trái. Ông N bỏ chạy thì C và T đuổi theo đến gần chốt bảo vệ Trung tâm thương mại thì quay lại chỗ để xe tẩu thoát. Ông N được người nhà đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện B.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 77/TgT ngày 09/3/2020 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra cho ông Lê Đức N là 36%. Vật gây thương tích và cơ chế hình thành vết thương: 02 vết thương ở cẳng tay trái, gây hở 02 xương cẳng tay trái, đứt gân duỗi cổ tay quay dài và ngắn, gân cơ dạng ngón cái dài, duỗi ngón cái dài và ngắn, duỗi ngón trỏ, duỗi các ngón chung, duỗi ngón út, duỗi cổ tay trụ và 01 vết thương ở mặt sau cẳng tay trái phù hợp với tổn thương cơ bản là vết chém hay băm bốp, được gây ra do sự tác động của vật có diện rộng hoặc có trọng lượng lớn, tác động với lực mạnh vào cơ thể như dao rựa, dao phay, búa, rìu; tác động vào vị trí vết thương theo chiều hướng từ sau ra trước (bút lục số 37 đến 39).

Tại bản Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố nhà nước phát biểu quan điểm về vụ án, kết luận hành vi phạm tội của đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử: Buộc C phải bồi thường thiệt hại cho ông N theo pháp luật.

Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố, quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. C không đồng ý bồi thường cho ông N theo yêu cầu của ông N vì số tiền quá nhiều và C yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Bị hại Ông Lê Đức N yêu cầu phải bồi thường số tiền 301.300.000đ. Ông N cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa ông N với ông C (cha C) là đúng và lời khai của ông C tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là đúng. Tuy nhiên khi ông N và hai người em ông N đánh ông C ở gần trường mầm non AD thì ông N không biết ông C có bị gãy răng không vì răng ở trong miệng ông C nên không nhìn thấy được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn C (cha của C) trình bày: Khi ông C qua huyện C bán bóng bay thì giữa ông C và ông N có nhiều lần

mâu thuẫn trong việc cạnh tranh bán bóng bay. Ông N nhiều lần đánh ông C, có lần ông N cùng hai người khác dùng nón bảo hiểm đánh ông C gây 02 răng hàm ở trước cổng trường mầm non AD (đường Hoàng Hoa T, thị trấn N) và sau đó ông N cấm ông C không được qua địa bàn huyện C bán bóng bay nữa (nhưng ông C không dám báo Công an vì sợ ông N). Ông C đã bồi thường cho ông N số tiền 50.000.000đ. Ông C không yêu cầu C trả lại số tiền này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra trong tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo, bị hại không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới, không yêu cầu Tòa triệu tập thêm người làm chứng, người liên quan, đồng ý với kết luận giám định pháp y về thương tích của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bản Cáo trạng số 79/CT-VKS ngày 28/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức truy tố về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa thừa nhận: Khoảng 20 giờ ngày 25/01/2020, C và T (không rõ họ tên, địa chỉ) mang theo 01 con dao rựa dài khoảng 60cm và 01 khúc cây dài khoảng 60 cm đến Trung tâm thương mại thị trấn N, huyện C, tỉnh B để đánh ông Lê Đức N. Tại đây, C dùng tay đánh còn T dùng sòng dao chém trúng vào lưng ông N. Ông N bỏ chạy sang quán cà phê gần đó lấy ghế chống trả thì bị T dùng dao chém trúng vào tay trái gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 36%.

[4] Thương tích mà (T) gây ra cho ông N là 36% là thương tích quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, nhưng hung khí mà T dùng để chém ông N là 01 một con dao rựa (dài khoảng 60cm). Theo hướng dẫn tại điểm a tiêu mục 2.2 mục 2 Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP, ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì con dao rựa mà T dùng để chém ông N là hung khí nguy hiểm.

[5] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 77/TgT ngày 09/3/2020 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thấy quan điểm luận tội của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa, giữ nguyên cáo trạng truy tố là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận phạm tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự.

[6] C là công dân có đầy đủ khả năng nhận thức và chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Nhưng C đã tỏ ra liều lĩnh, coi thường sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật và các chuẩn mực đạo đức xã hội nên C đã dẫn thân vào con đường phạm tội; hành vi cùng đồng phạm (T dùng dao rựa chém vào tay trái ông N gây thương tích với tổng tỷ lệ thương tật là 36% cho ông N được C và T thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp với động cơ, mục đích mong muốn gây thương tích cho ông N). Hành vi của T và C không chỉ xâm phạm đến sức khỏe của ông N mà còn gây nhiều bất bình trong dư luận và làm mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải trừng trị C thật nghiêm khắc đủ để giáo dục, cải tạo C trở thành người công dân có ích cho xã hội đồng thời mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, giáo dục, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của C, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với C để quyết định cho C một mức hình phạt phù hợp.

Đây là vụ án đồng phạm tội, trong đó có 02 người cùng cố ý gây thương tích cho ông N là C và bạn của C là (T). Hiện T đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra chưa chứng minh được trước khi thực hiện tội phạm, các bị cáo không có sự bàn bạc, chuẩn bị công cụ phương tiện từ trước, có sự chỉ huy phục tùng hay không do đó không coi là phạm tội có tổ chức mà là trường hợp đồng phạm tội giản đơn. Trong đó khi nghe C tâm sự thì T là người khởi xướng, có lời lẽ kích động C, rủ C đánh ông N và chính T là người trực tiếp gây ra toàn bộ thương tích ở tay ông N. Còn C đồng phạm với T với vai trò giúp sức.

Tình tiết tăng nặng: Không.

Nhân thân:

Ngày 07/11/2005, bị Tòa án nhân dân quận G, thành phố H xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp tài sản” (phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi).

Ngày 31/7/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xử phạt 14 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tình tiết giảm nhẹ:

Nguyên nhân dẫn đến việc đánh nhau là do một phần lỗi của bị hại là khi ông C (cha của C) qua địa bàn thị trấn N, huyện Châu Đức bán bóng bay thì giữa ông C và ông N nhiều lần mâu thuẫn trong việc cạnh tranh bán bóng bay. Ông N nhiều lần đánh ông C, có lần ông N cùng hai người khác dùng nón bảo hiểm đánh ông C gây 02 răng hàm ở trước cổng trường mầm non Ánh Dương (đường Hoàng Hoa Thám, thị trấn N) và sau đó ông N còn cấm ông C không được qua địa bàn huyện Châu Đức bán bóng bay nữa (nhưng ông C không dám báo Công an vì sợ ông N) nên khi C biết cha mình bị ức hiếp, C tâm sự bạn là T dẫn đến T và C thiếu kiểm chế, nên hành động thiếu suy nghĩ dẫn đến hậu quả xảy ra vụ án nghiêm trọng này.

Sau khi phạm tội, C đã tác động đến Trần Văn C (là cha C) bồi thường cho ông N số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường khắc phục hậu quả cho ông N. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Vì vậy, áp dụng các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt đối với C.

C có nhân thân tốt, đã thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, C có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. C tham gia đồng phạm với vai trò giúp sức. Người bị hại cũng có phần lỗi là nguyên nhân làm cho bị cáo uất ức trả thù cho cha. Vì vậy, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với C để tạo điều kiện cho C sớm trở về với gia đình.

Đối với T mà C khai đã đi cùng mình chém ông N; do thông tin về T chưa đầy đủ. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ để xử lý sau.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Đức N yêu cầu phải bồi thường cho ông N các khoản tiền gồm: Tiền viện phí, tiền xe đi lại, tiền nuôi bệnh, tiền dưỡng bệnh, tiền mất thu nhập của người nuôi bệnh, tiền tổn thất tinh thần và tiền thiệt hại kinh tế trong thời gian ông N điều trị bệnh không lao động, tổng cộng là 301.300.000đ. Hiện ông C (cha C) đã bồi thường cho ông N 50.000.000đ. không đồng ý bồi thường cho ông N vì số tiền quá nhiều và C yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Trong các khoản tiền ông N yêu cầu C bồi thường thì chỉ có khoản tiền thuốc điều trị có hóa đơn hợp lệ là hợp lý nên chấp nhận. Đối với các khoản yêu cầu không hợp lý thì cần áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; các Điều 604, 605, 606, 609 của Bộ luật Dân sự đã được Nghị quyết số: 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng để tính toán các khoản thiệt hại mà C phải bồi thường cho ông N như sau:

- Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe của ông N bao gồm:

+ Tiền thuê phương tiện đưa người bị hại đi cấp cứu, xuất viện về nhà và tái khám tại cơ sở y tế tuy không có hóa đơn chứng từ nhưng đây là thực tế nên chấp nhận toàn bộ số tiền: 10.300.000 đồng;

+ Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe từ ngày 25/01/2020 đến ngày 30/01/2020 (06 ngày) gồm: tiền mua các thiết bị y tế phục vụ cho việc cứu chữa có hóa đơn chứng từ hợp lệ là: 20.266.616đ.

+ Tiền ăn của ông N: 120.000đ x 60 ngày = 7.200.000đ; Tiền ăn của người chăm sóc ông N: 120.000đ x 60 ngày = 7.200.000đ.

+ Tiền thuê người chăm sóc trong thời gian ông N điều trị tại Bệnh viện và khi về nhà ông N khai là mất 02 tháng ông N mới bình phục và tự phục vụ được là 200.000đ/ ngày x 60 ngày = 12.000.000đ.

+ Tiền mất thu nhập của ông N thì ông N không đưa ra được tài liệu chứng minh thu nhập hợp pháp nên coi thu nhập của ông N là lao động phổ thông để tính tiền mất thu nhập là: 60 ngày x 200.000đ/ngày = 12.000.000đ.

+ Tiền tổn thất tinh thần: 12 tháng x 1.490.000đ/tháng = 17.880.000đ.

Tổng số tiền bồi thường sức khỏe ông N được nhận là: 86.846.616đ, nhưng trừ đi số tiền gia đình C đã bồi thường cho ông N là 50.000.000đ. Vậy, còn phải bồi thường cho ông N số tiền là 36.846.616đ. Trong vụ án này có hai người gây thương tích cho ông N do đó trách nhiệm bồi thường cho ông N là cả C và T. Tuy

nhiên hiện T đã bỏ trốn do đó C có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông N toàn bộ thiệt hại mà C và T gây ra.

Giành quyền khởi kiện cho C đối với người C khai tên T bằng vụ kiện dân sự khác nếu C có yêu cầu T trả lại số tiền mà C phải bồi thường cho ông N.

Đối với khoản tiền ông N yêu cầu gồm: Tiền chi phí mổ lại sau này, tiền nghỉ dưỡng, tiền thuê người chăm sóc là 60.000.000đ thì giành cho ông N quyền khởi kiện đối với bị cáo khi ông N đã mổ lại và có hóa đơn chứng từ.

[9] Xử lý vật chứng: 01 con dao rựa dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ và 01 khúc cây dài khoảng 60cm, sau khi chém ông N xong T đã vứt trên đường tẩu thoát (không biết vứt ở đâu) và 01 xe mô tô của T (không rõ biển số), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Đức không thu hồi được, nên không xét.

[10] **Về án phí:** C phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.842.330 án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Trần Thiên C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50; Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Trần Thiên C 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt 13/3/2020 (mười ba, tháng ba, năm hai nghìn không trăm hai mươi).

Tiếp tục tạm giam Trần Thiên C để bảo đảm thi hành án.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 604, 605, 606, 609 của Bộ luật Dân sự xử buộc: Trần Thiên C phải tiếp tục liên đới bồi thường cho Lê Đức N số tiền 36.846.616đ (ba mươi sáu triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, sáu trăm mười sáu đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Án phí:** Trần Thiên C phải nộp 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 1.842.330 án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

Hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/9/2020) bị cáo C, ông N và ông C có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu;
- Phòng PC 10, PV 06 Công an tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKS huyện Châu Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Châu Đức;
- Công an huyện Châu Đức;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Văn Dẫn**